ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 45 /2024/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 12 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-BNN-QLCL ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước

về An toàn thực phẩm nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Lào Cai tại Tờ trình số 237/TTr-SYT ngày 06 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Công Thương, NN và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT1, NLN2, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai đối với Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện/ thị xã/ thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã/ phường/ thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã).

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi tắt là cơ sở thực phẩm), các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền của cơ quan tham gia phối hợp xem xét, quyết định.

3. Đảm bảo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý nhà nước.

4. Đảm bảo tính khoa học, đầy đủ và khả thi trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Chương II
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Y tế

1. Thường trực Tiểu ban An toàn thực phẩm thuộc Ban chỉ đạo Y tế - Dân số tỉnh Lào Cai.

2. Chủ trì tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý an toàn thực phẩm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế trên cơ sở giám sát và tổng hợp báo cáo của các sở, ngành, UBND cấp huyện.

3. Chịu trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm đối với:

a) Các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm (trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan chức năng cấp trung ương và cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các bệnh viện tuyến tỉnh, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh do cơ quan chức năng cấp huyện cấp nhưng có quy mô kinh doanh từ 200 suất ăn/ một lần phục vụ trở lên;

c) Bếp ăn tập thể, căng tin của các tổ chức có Giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập/giấy phép hoạt động do cơ quan chức năng cấp trung ương và cấp tỉnh cấp; bếp ăn tập thể, căng tin trong các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp hoặc phân cấp cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ đến 36 tháng tuổi; tổ chức tiếp nhận hoặc phân cấp tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này.

5. Cấp hoặc phân cấp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thực phẩm quy định tại điểm a, điểm b, khoản 3 Điều này (trừ bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm; nhà hàng trong khách sạn).

6. Chủ trì tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm; cảnh báo sự cố về an toàn thực phẩm; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ y tế làm công tác an toàn thực phẩm.

7. Giám sát, đảm bảo an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, các sự kiện văn hóa, chính trị, thể thao do cấp tỉnh, cấp trung ương tổ chức trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chịu trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm đối với:

a) Cơ sở sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt nông, lâm, thủy sản và sản xuất;

b) Cơ sở sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối và các thực phẩm khác được quy định tại phụ lục III, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

c) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên có sản phẩm thuộc ngành Nông nghiệp quản lý có sản lượng lớn nhất; cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên tự chọn ngành Nông nghiệp quản lý;

d) Khu vực và trung tâm logistics nông sản, chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với các cơ sở quy định tại điểm a, b, c, khoản 1 Điều này được cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thuộc diện tự công bố quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ

thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực, có xác nhận của cơ sở đối với các sản phẩm quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

5. Chủ trì thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp; hướng dẫn kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; hướng dẫn tổ chức thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, sản và thủy sản trong phạm vi được phân công quản lý; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ nông nghiệp tuyến huyện, xã thực thi nhiệm vụ quản lý an toàn thực phẩm.

6. Chủ trì thực hiện hoạt động hậu kiểm về an toàn thực phẩm thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra.

7. Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trong phạm vi nhiệm vụ được phân công, phân cấp trên địa bàn tỉnh theo qui định.

8. Kiểm tra, truy xuất, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và quy định của pháp luật.

9. Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm khi có yêu cầu.

11. Định kỳ, đột xuất báo cáo các đơn vị đầu mối thường trực Ban chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Công Thương

1. Chịu trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương được phân công, phân cấp quản lý theo Điều 64 của Luật An toàn thực phẩm; khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 và Phụ lục IV của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, cụ thể:

a) Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm: Bia; rượu, cồn và đồ uống có cồn (không bao gồm sản phẩm rượu bổ do ngành Y tế quản lý); nước giải khát (không bao gồm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai do ngành Y tế quản lý); sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh mứt kẹo (không bao gồm các sản

phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý); dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định;

b) Quản lý các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, bao gồm: Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên có sản phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý có sản lượng lớn nhất, cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh hỗn hợp nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên (trừ trường hợp là chợ đầu mối, đấu giá nông sản), cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên tự chọn ngành Công Thương quản lý.

2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trung tâm thương mại (trừ các cơ sở do ngành y tế quản lý), siêu thị, cửa hàng tiện ích, các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối thực phẩm theo phân cấp của Bộ Công Thương.

3. Tổ chức quản lý cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với:

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế nhỏ hơn các cơ sở quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10, Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Hướng dẫn UBND cấp huyện ký bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với lĩnh vực ngành Công Thương.

5. Chủ trì kiểm tra, giám sát hàng hóa là thực phẩm của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hội chợ.

6. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ tự công bố của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của UBND cấp huyện

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn; chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo và đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của cơ quan nhà nước cấp dưới.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về an toàn thực phẩm.

3. Tổ chức điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp huyện.

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với:

a) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ quan chức năng cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh có quy mô kinh doanh dưới 200 suất ăn/một lần phục vụ;

b) Bếp ăn tập thể các trường phổ thông dân tộc nội trú, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; bếp ăn tập thể trong các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non có quy mô từ 50 suất ăn/một lần phục vụ trở lên và các cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 4 quy định này;

c) Quản lý, giám sát công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các chợ hạng 01 đang hoạt động trên địa bàn;

d) Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ tự công bố của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương do UBND cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng kí;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tổ chức kí cam kết sản xuất an toàn thực phẩm của UBND cấp xã đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018;

e) Giám sát, bảo đảm an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, các sự kiện văn hóa, chính trị, thể thao do cấp huyện tổ chức; giám sát các tổ chức, cá nhân tổ chức quảng cáo thực phẩm trên địa bàn.

5. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

6. Quản lý, hướng dẫn, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các Tổ hợp tác xã, Hợp tác xã…sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương do UBND huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký.

7. Cấp, phân cấp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với cơ sở thuộc nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b, c, khoản 1, Điều 5 có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan chức năng cấp huyện cấp;

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của UBND cấp xã

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp; tổ chức điều hành Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm cấp xã; tổ chức triển khai thực hiện các quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về an toàn thực phẩm.

2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với:

a) Kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn; bếp ăn tập thể trong các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non có quy mô dưới 50 suất ăn/ một lần phục vụ;

b) Tổ chức quản lý, ký cam kết, xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cấp hoặc phân cấp cấp) thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018;

c) Quản lý, giám sát công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các chợ hạng 02, hạng 03 hoạt động trên địa bàn, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan trong công tác triển khai quy định về an toàn thực phẩm đối với các chợ đang hoạt động tại địa bàn quản lý.

3. Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương thực hiện việc gửi bản cam kết đến UBND cấp xã quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

4. Giám sát, đảm bảo an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, các sự kiện văn hóa, chính trị, thể thao do cấp xã tổ chức; giám sát các hoạt động quảng cáo thực phẩm trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm chung và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Các sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã bố trí nguồn lực, tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý; khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Xác minh, xử lý thông tin phản ánh tình trạng mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực ngành hoặc địa bàn quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật khi để xảy ra vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

3. Các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý, thực hiện các hoạt động quản lý đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có hiệu quả.

4. Các Sở Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xây dựng, thực hiện và kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh và kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh những quy định không phù hợp với tình hình thực tế trong quản lý an toàn thực phẩm.

5. Khi xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục trong phạm vi địa phương; trừ các vụ việc xảy ra tại cơ sở dịch vụ ăn uống do Sở Y tế quản lý hoặc vụ việc có ít nhất 01 người tử vong thì Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cấp, các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp xử lý, khắc phục.

6. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của sở, ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

7. Các sở, ngành có trách nhiệm phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra khi được mời phối hợp; trong các đợt cao điểm, Sở Y tế chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra các cơ sở thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Các sở, ngành liên quan có trách nhiệm tham gia

phối hợp theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc theo yêu cầu của cấp trên. Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải đảm bảo không chồng chéo ở các ngành, các cấp, đảm bảo có sự thống nhất từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Trường hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cấp dưới trùng với kế hoạch của cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cấp trên; thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh không có người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm khi phát hiện vi phạm, trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính đề nghị người có thẩm quyền xử phạt theo lĩnh vực ngành quản lý hoặc Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

9. UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành cấp trên xử lý các diễn biến phức tạp trong quá trình thanh tra, kiểm tra các cơ sở thực phẩm trên địa bàn khi có yêu cầu để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn thực phẩm trên phạm vi toàn tỉnh.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Chế độ thông tin báo cáo

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, phân cấp, định kỳ hoặc đột xuất, các cơ quan, đơn vị báo cáo đánh giá kết quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công, phân cấp gửi cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan cần phản ảnh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh phù hợp với thực tiễn./.